



PHONG TỤC CƯỚI XIN
CƠ A NGƯỜI BỐ Y Ở XÃ QUYẾT TIẾN,
HUYỆN QUẢN BẠ, TỈNH HÀ GIANG

HOÀNG DIỆU THUY

Dân tộc Bố Y có khoảng hơn 1.400 ng-ời, sống chủ yếu ở 2 tỉnh Hà Giang và Lào Cai. Theo thống kê năm 2004, ng-ời Bố Y ở Hà Giang có 825 ng-ời, tập trung tại 2 huyện Quản Bạ và Đồng Văn, nh-ng đông nhất tại xã Quyết Tiến, huyện Quản Bạ (khoảng 600 ng-ời). Tuy chỉ là một nhóm c-dân nhỏ nh-ng ng-ời Bố Y ở Hà Giang cũng có những đặc tr-ng văn hoá lâu đời, riêng biệt, độc đáo. Bài viết này xin giới thiệu quy trình một đám c-ới của ng-ời Bố Y ở huyện Quản Bạ tỉnh Hà Giang. Nội dung bài viết là kết quả điền dã của tác giả tại các thôn Nậm L-ơng, Lùng Thàng thuộc xã Quyết Tiến, huyện Quản Bạ, với sự hỗ trợ của các nghệ nhân ng-ời Bố Y nh- L-ơng Khởi Ph-ơng, D-ơng Đức Khoan, Lò Chấn Sài...

Trong quan niệm của ng-ời Bố Y, c-ới xin là một trong ba nghi lễ¹ hết sức quan trọng trong chu kỳ đời ng-ời cũng nh- cuộc sống gia đình. Do vậy, việc lấy dâu, rể phải đ-ợc cha mẹ tìm kiếm, lựa chọn suốt một quá trình; đ-ợc họ hàng thống nhất, quyết định thông qua các tiêu chuẩn nghiêm khắc về con ng-ời, gia đình, đặc biệt là việc xem bói, xem chân gà... Các đôi trai gái ng-ời Bố

Y lấy nhau th-ờng do cha mẹ sắp đặt. Hôn nhân không phải là kết quả của tình yêu đôi lứa. Cha mẹ c-ới vợ cho con với mục đích chủ yếu là có ng-ời nối dõi tông đ-ờng và có thêm lao động. Chịu ảnh h-ởng khá nặng của văn hóa Hán tr-ớc khi di c- đến Việt Nam, ng-ời Bố Y x-a kia có yêu cầu khá nghiêm khắc về “Môn đăng hộ đối”, về việc gia đình thông gia phải có phúc đức, hiền lành, sinh nhiều con...

Cô gái đ-ợc chọn lựa tr-ớc hết phải là ng-ời chịu th-ơng, chịu khó, làm ăn chăm chỉ, biết làm ruộng, n-ơng, thành thạo các công việc nội trợ và đối xử lễ phép với bố mẹ, anh em họ hàng, xóm làng. Chú rể phải là ng-ời có sức khỏe, cày bừa thành thạo, gốc gác gia đình không có di truyền bệnh tật... Những yêu cầu này luôn là tiền đề để các bậc cha mẹ ng-ời Bố Y dựng vợ gả chồng cho con.

Việc c-ới xin của ng-ời Bố Y đ-ợc trải qua các nghi lễ sau đây:

1. B-ớc dọn đ-ờng (phất san)

Khi có ý định lấy vợ cho con, bố mẹ chàng trai sẽ đến nhà cô gái đ-ợc -óm từ tr-ớc, m-ợn tờ *lục mệnh* (tờ giấy ghi giờ, ngày, tháng, năm sinh của cô gái) đem về nhờ thầy cúng xem và đối chiếu với tờ *lục*

¹ Ba nghi lễ gồm: Lễ ba sáng cho đứa trẻ mới sinh đ-ợc ba ngày; Lễ c-ới cho ng-ời tr-ởng thành, lập gia đình; Lễ tang ma đ-a ng-ời chết về với tổ tiên.

mệnh của con trai mình. Nếu hai *mệnh* hợp nhau, nhà trai sẽ chuẩn bị lễ *dọn đờng*.

Lễ này sẽ do hai bà mối khéo léo, thay mặt nhà trai đem lễ vật đến nhà gái. Lễ vật gồm:

1. Hai chai r-ọu dán giấy đỏ, hai gói quà bánh (những thứ này sẽ đặt lên bàn thờ nhà gái).

2. Một chai r-ọu không dán giấy đỏ.

Khi đến nơi, hai bà mối chỉ đến chơi, nói chuyện xa gần, thăm dò thái độ của nhà gái. Nếu thuận thì lấy chai r-ọu không dán giấy đỏ ra rót mời. Nếu nhà gái nhận r-ọu, vui vẻ cùng uống và nói chuyện vui thì mọi việc coi nh- đã xong. Nếu thấy tình hình không thuận, hai bà mối sẽ khéo léo xin phép ra về, không uống r-ọu nữa. Hai chai r-ọu, gói quà mang theo đ-ọc đặt lên bàn thờ nhà gái nh- một sự thông báo với tổ tiên: Hôm nay có ng-ời đến dò đ-ờng hỏi con gái nhà này.

Trong buổi gặp mặt dò đ-ờng, ng-ời con gái cũng đ-ọc tham dự nh- ng chỉ đ-ọc ngồi nghe và không có bất kỳ ý kiến nào.

Về phía nhà trai, trong lúc hai bà mối đi, ở nhà sẽ chuẩn bị một bữa cơm khuya (*xiéo đĩa*). Khi về, hai bà mối đ-ọc mời vào mâm và kể lại kết quả dò đ-ờng. Hai bà mối có thể nghỉ lại qua đêm tại nhà trai hay về nhà mình là tùy ý, tùy ở gần hay xa.

B-óc này giống nh- lễ *dạm ngõ* trong đám c-ới của ng-ời Kinh.

2. Ăn hỏi (*cân cái*)

Sau ba ngày không thấy nhà gái mang trả lại lễ vật đã đặt lên bàn thờ trong lần *phất san*, nhà trai sẽ xem ngày và tìm hai ông mối đem lễ đến ăn hỏi.

Hai ông mối đ-ọc nhờ phải là ng-ời “tốt số”, còn đầy đủ vợ chồng, đông con cháu, hạnh phúc. Tr-ớc khi đến, nhà gái sẽ đ-ọc báo tr-ớc để sắp xếp đón tiếp.

X- a kia, lễ vật mang theo gồm:

1. Một đôi gà (một con gà trống, một con gà mái, mỗi con phải trên 3kg, đ-ọc nhốt chung trong một cái lồng).

2. Hai chai r-ọu.

3. Một ít tiền (tùy điều kiện) để trong phong bì đỏ (gọi là *hùng phụng*).

Tất cả các lễ vật đều phải đ-ọc dán giấy đỏ.

Ngày nay, ngoài những lễ vật trên còn thêm một số thứ sau:

1. Một con lợn 30 kg.

2. 10 lít r-ọu.

3. 10 kg gạo tẻ.

4. 12 chiếc bánh dày to hình bán nguyệt nhân đ-ờng (ảnh h-ởng từ phong tục c-ới của ng-ời Nùng trong vùng).

Hai ông mối mang theo riêng một chai r-ọu, với lý do để làm khay r-ọu, nói chuyện với ng-ời già.

Gia đình nhà gái đã biết ngày mối đến nên mời đông đủ họ hàng đợi sẵn. Nhà gái sẽ đứng tr-ớc cửa, hát từng đoạn trong bài “Ngăn cửa” và nhà trai phải hát đối lại. Nếu không đối đ-ọc phải uống 4 bát r-ọu rồi mới đ-ọc vào nhà.

Khi đã ngồi yên vị trong nhà, uống n-ớc, hút thuốc xong, ông mối chính m-ợn chủ nhà một cái khay, 4 cái chén rồi lấy chai r-ọu đem theo rót làm khay r-ọu (*củ xpàn lèo*) b-ng đến tr-ớc mặt ng-ời đại diện nhà

gái xin phép đi-ợc nói chuyện. Sau khi khay r-ợc đi-ợc nhận, ông làm tiếp khay thứ hai xin thịt gà, cắt cổ gà (*stria vùa cái*). Về nguyên tắc, bên nhà trai chỉ đi-ợc thịt con gà trống, còn con gà mái sẽ do bên nhà gái thịt. Ng-ời Bố Y giải thích rằng, làm vậy có nghĩa vợ chồng phải chung thủy, cùng sống, cùng chết.

Ông mới phụ xin gia đình thấp h-ong lên bàn thờ, rồi m-ợn một con dao, cái bát đến đặt ở giữa nhà, cắt tiết con gà trống. Thông th-ờng gia đình nhà gái muốn thử tài cắt tiết gà của ông mới, họ sẽ mang đến một tờ giấy đặt d-ới bát hứng tiết, sau đó kiểm tra xem có bao nhiêu giọt tiết rơi xuống. Tờ giấy có bao nhiêu giọt tiết, ông mới phải uống bấy nhiêu chén r-ợc. Việc cắt tiết, làm lông, luộc gà đều do ông mới phụ làm. Trong khi đó, ông mới chính làm tiếp khay r-ợc thứ ba xin phép gia đình bàn bạc về lễ thách c-ới.

Lễ vật thách c-ới x- a kia th-ờng gồm:

1. 120 cân ta thịt lợn hơi (t-ong đ-ong với 60 kg hiện nay). Lợn phải đuổi hoặc khiêng từ nhà trai đến nhà gái mới thịt. Nhà trai chỉ đi-ợc đem về đầu lợn (làm lễ cho hai ông mới). Nếu thịt một con ch- a đủ phải mổ thêm để bù. Nếu số thịt thừa từ 3 cân ta trở lên, nhà trai có quyền mang phần thừa về nhà mình.

2. 120 cân ta gạo tẻ.

3. 120 cái bánh dày nhân mật mía.

4. 120 cân ta nguyên r-ợc (không tính khối l-ợng can, lọ đựng).

5. 2,4 đồng bạc trắng - *tiền sữa mẹ*.

6. 1,2 đồng bạc trắng - *tiền ngoại gia* (cho họ ngoại nhà cô gái).

7. 1,2 đồng bạc trắng, 1,2m vải đỏ - *tiền và lễ qua mặt* (nếu có anh, chị ch- a xây dựng gia đình).

8. 27 đồng bạc trắng - *tiền giá thân (chiên cả đấng)*. Đây gọi là tiền thân thể ng-ời con gái. Thực tế, tiền này nhà gái lấy để mua của hồi môn (*húa tà phà*), tặng phẩm cho con gái khi về nhà chồng.

9. 2 bộ quần áo cho con dâu (cho vải để tự con dâu may).

10. Vòng cổ, vòng tay, dây chuyền, khuyên tai bằng bạc cho cô dâu.

Ngày nay, lễ vật thách c-ới đã có một số thay đổi, gồm:

1. 1 con lợn hơi khoảng 70 – 75 kg trở lên (đuổi đến nhà gái mới thịt). Nhà gái chỉ lấy 40 kg, còn lại nhà trai đem về.

2. 40 kg gạo tẻ.

3. 12 - 20 chiếc bánh dày nhân đ-ờng.

4. 40 – 60 lít r-ợc.

5. 400.000 đồng đi-ợc đặt trong một phong bì đỏ.

6. 2 đồng bạc trắng *tiền sữa mẹ*.

7. 2 đồng bạc trắng *tiền ngoại gia*.

8. 2 bộ quần áo cho con dâu (cho bằng vải, tự may).

Lễ vật không còn khoản tiền giá thân, không đòi hỏi nữ trang nh-ng hai bên gia đình có thể tự cho đồ nữ trang, tiền vàng – nếu có điều kiện. Bạc trắng nếu không có, có thể quy đổi ra giá trị tiền mặt, cho vào phong bì mang đến.

Sau khi thống nhất xong lễ vật, hai ông mới có trách nhiệm ghi chép, rà soát lại đầy đủ, chỗ nào không rõ phải hỏi lại ngay. Hai

ông sẽ ăn một bữa cơm rồi lên đờng trở về thông báo lại cho nhà trai. □ nhà trai, một mâm cơm chiều hoặc cơm khuya cũng đợc chuẩn bị sẵn để đợi hai ông về để bàn giao kết quả.

3. Thông báo ngày c-ới và trao lễ vật (*tản cân cất*)

B-ớc này tiến hành tr-ớc một tháng hoặc một tháng r-ời tr-ớc ngày c-ới, sau khi nhà trai đã chuẩn bị xong lễ vật và chọn đợc ngày tốt. Lễ vật gồm:

1. Một đôi gà (1 con gà trống, 1 con gà mái, mỗi con trên 3 kg).
2. Hai chai r-ợu.
3. Hai gói chè.
4. Hai gói thuốc.

Tất cả đều đợc dán giấy đỏ. Các khoản: tiền sữa mẹ, tiền ngoại già, tiền giá thân, tiền giấy (để trong phong bì), vải may quần áo cho cô dâu... sẽ đợc mang đến cho nhà gái; riêng gạo, thịt, r-ợu sẽ đợc trao vào ngày c-ới.

Lần đi báo ngày và trao lễ vật này cũng tiến hành các thủ tục nh- lần ăn hỏi (làm khay r-ợu, xin thịt gà, xin trao tiền, xin *lục mệnh* của cô dâu cho vào phong bì đỏ). Ăn cơm xong, hai ông mới làm khay r-ợu đặt lên bàn thờ, thấp h-ơng rồi chào từ biệt gia đình trở về. Khi ra đến cửa nhà gái, một trong hai ông, ai cầm phong bì đựng *lục mệnh* thì phải căng ô rồi mới đợc b-ớc ra hiên nhà (dù trời không m-a hoặc trời tối). Cứ thế, ông mới sẽ đợi ô về đến tận cửa nhà trai.

Phía nhà trai, nghe tin hai ông mới đã về phải thấp h-ơng lên bàn thờ rồi bố mẹ

hoặc ng-ời đại diện nhà trai ra ngoài cửa đón lấy phong bì có *lục mệnh* mang vào, đặt lên bàn thờ.

4. Ngày đ-a lễ chính (*cân hào*)

Ngày đ-a lễ diễn ra tr-ớc ngày c-ới bên nhà gái hoặc buổi sáng ngày nhà gái tổ chức ăn c-ới (tùy theo nhà gái gần hay xa hoặc tùy vào ý kiến của nhà gái). Lễ vật mang đi lần này là gạo, lợn, r-ợu, bánh... mà nhà gái đã thách c-ới. Ngoài ra, cũng nh- các lần tr-ớc, hai ông mới phải đem theo một đôi gà, 2 chai r-ợu, chè, thuốc để làm mâm r-ợu nói chuyện. Tr-ớc khi đi, nhà trai làm cơm mời hai ông và những ng-ời đi cùng ăn uống, nhờ chuyển lễ giúp.

Hai ông mới và đoàn đ-a lễ sẽ bị nhà gái ngăn cửa bằng r-ợu và hát đối. Khi giao r-ợu, gạo, ng-ời kiêng r-ợu, gạo phải cất nút can r-ợu, cất bao đựng gạo, không để bên nhà gái lấy. Nếu nhà gái lấy đợc, nhà trai tiếp tục hát hoặc uống r-ợu phạt để xin về (ng-ời Bó Y kiêng để lại hay làm vỡ, hỏng thứ gì ở nhà gái). Ăn xong bữa cơm, ông mới làm khay r-ợu xin phép ra về. Thông th-ờng nhà gái sẽ không cho về ngay. Hai bên cùng hát đối đáp và uống r-ợu cho đến khi hai ông mới hát thảng.

Tại buổi nói chuyện này, hai ông mới hỏi kỹ ngày, giờ cô dâu ra cửa để bên nhà trai tính giờ đi đón, tính quãng đờng đi.

5. Đón dâu

Ngày đón dâu của nhà trai th-ờng trùng vào ngày c-ới ở nhà gái. Đoàn đón dâu gồm 2 phù rể, 1 phù dâu và 6 thanh niên khoẻ mạnh, ch-a có gia đình.

Lễ vật mang theo gồm: 1 con gà trống gần 1 kg, 1 chai r-ọu (để làm khay r-ọu), 1 cái ô (để phủ dậu căng lên che cho cô dâu).

Khi đến gần nhà gái, một anh phù rể giấu con gà thật kín không cho ai thấy rồi tìm cách vào nhà để tránh bị ngăn cửa và hát ngăn cửa. Theo lệ, phù dâu không bị ngăn cửa nh-ng vẫn phải đợi 2 phù rể vào nhà rồi mới đ-ọc vào theo. Phù dâu khi đó có quyền hé mở chiếc ghế ngăn cửa, đi thẳng vào buồng cô dâu, mặc quần áo, trang điểm cho cô dâu.

Hai anh phù rể phải hát lần l-ợt 5 bài “Mở cửa” (*Phân he tau*). Vào đ-ọc trong nhà, phù rể chính vừa hát, vừa b-ng một bát r-ọu đến tr-ớc mặt ông bố cô dâu hoặc đại diện nhà gái để nhận bố. Phù rể thứ hai vừa hát, vừa b-ng một bát r-ọu đi nhận mẹ (mẹ cô dâu hoặc đại diện nhà gái).

Tiếp sau, phù rể lấy con gà đã cất giấu tr-ớc đó, làm một khay r-ọu nhờ nhà bếp thit gà, thắp h-ong.

Đúng giờ đã định, một khay r-ọu lại đ-ọc đặt lên bàn thờ để xin dậu. Lúc này, ng-ời đại diện nhà gái hoặc anh trai cô dâu công cô ra cửa. B-ớc chân phải của ng-ời đại diện đặt ra ngoài ng-õng cửa, chân trái để ở trong nhà. Phù rể lại gân ghé vai đón lấy cô dâu. Đồng thời, phù dâu mở ô che cho cô dâu. Từ đó cho đến khi về đến nhà chồng, cô dâu phải đ-ọc che ô (dù trời không m-a, không nắng, ban đêm hay ban ngày). Hai phù rể thay nhau công cô dâu đến nhà chồng – không cho chân chạm đất. Tục lệ này nay đã bị bỏ, thay bằng việc trao tay cô dâu.

Khi ra đến cửa, cô dâu đ-ọc bố mẹ cho một con gà con. Trên đ-ờng đi, nếu nghe tiếng chim, thú kêu, cô lập tức bóp chết con gà - coi nh- trừ nạn cho mình.

Về đến nhà trai, ch-a đến giờ vào cửa (*hào tau*), cô phải tạm nghỉ ở ngoài buồng giả cùng phù dâu.

Gần đến giờ cho con dâu vào nhà, nhà trai sắp một bàn thờ ngoài sân. Trên đó có 5 chén, 5 bát, 5 đôi đũa, 1 ống đựng ngô cấm h-ong, 1 chai r-ọu, vàng mã, đèn dậu. Khi ông thầy cúng gọi, ng-ời nhà lấy 1 con gà khoảng 1 kg (đã chuẩn bị sẵn) đem ra cất tiết ngay tr-ớc bàn thờ này. Nghi thức này gọi là cúng sống. Khi con gà đ-ọc luộc chín, ông thầy cúng lần thứ hai là cúng chín.

Trong lúc này, phù dâu che ô cho cô dâu đứng đợi bên cạnh. Khi ông thầy đốt vàng mã, phù dâu cầm tay cô dâu đ-a lên cao hình chóp nón, huơ qua tr-ớc mâm cúng, đồng thời ông thầy cúng đ-a bát h-ong cho cô dâu. Cô dâu đón lấy và b-ớc vào nhà.

Trong nhà, chiếu đã trải sẵn. Có tám ông bà “tốt số” ngồi thành hai mâm. Bốn ng-ời đàn ông ngồi mâm phía d-ới bàn thờ. Bốn ng-ời đàn bà ngồi tr-ớc cửa buồng cô dâu đợi.

Khi cô dâu b-ớc chân qua ng-õng cửa thì tám ng-ời đều cầm chén r-ọu hô to: “Hầu dào hô!” – Mừng ô! Cô dâu đ-a bát h-ong đặt lên bàn. Một trong bốn ông sẽ đón lấy đ-a lên bàn thờ chính trong gia đình. Cô dâu quỳ xuống, đứng lên tr-ớc bàn thờ 2 lần. Mỗi lần nh- vậy, tám ng-ời lại hô “Hầu dào ô!”. Cô dâu đến tr-ớc cửa buồng lập lại hành

động quỳ xuống, đứng lên và bốn ng-ời đàn bà cũng hô chúc mừng. Cô dâu b-ớc vào trong buồng, cả tám ng-ời đồng thanh hô lần cuối.

Đoàn đ-a dâu nhà gái có bao nhiêu ng-ời, nhà trai phải cử bằng đó ng-ời ra đón tiếp.

Theo phong tục, cô dâu ở trong buồng cùng phù dâu cho đến sáng hôm sau. Sáng sớm hôm sau, cô dậy sớm đun n-ớc, quét nhà, gánh n-ớc... Nhà chồng dậy, cô phải có chậu n-ớc ấm và chiếc khăn rửa mặt mới cho mỗi thành viên trong nhà chồng súc miệng, rửa mặt. Sau khi rửa mặt xong, anh em chồng, khách xa đến dự nghỉ lại qua đêm sẽ thả xuống chậu n-ớc vài đồng xu (bố mẹ không phải thả và ngày nay, tiền xu đ-ợc thay bằng tiền giấy).

Cũng trong buổi sáng này, gia đình làm một mâm cơm (nếu không có điều kiện thì làm khay r-ợu) cảm ơn hàng xóm, nhà bếp đã giúp bữa c-ới và nhờ giúp làm thêm bữa nữa vào sáng hôm sau (sáng thứ 3 sau hôm c-ới). Bữa thứ 3 này, phải mời 2 ông mối, phù rể, phù dâu... đến cảm ơn. Trong ngày đó, cô dâu mới đ-ợc nhận bố mẹ, anh em, họ hàng bên chồng. Cứ mỗi ng-ời một lần quỳ, một lần uống r-ợu. Ng-ời đ-ợc nhận trao một ít tiền hoặc quà cho cô dâu trong lúc nhận mặt này. Đến tối, cô dâu đ-ợc về nhà mẹ đẻ (*hùi mản* – quay lại cửa). Nhà chồng phải chuẩn bị cho cô 10 kg thịt, 10 kg gạo, 10 kg r-ợu, 1 đôi gà; lại cử thêm 4 em gái, 4 em trai đ-a cô về. Cô sẽ ở lại nhà bố mẹ đẻ đến ngày rằm hoặc tết, rồi nhà chồng cử 1 em trai, 1 em gái đem theo 1 con gà, 1 chai r-ợu đi đón

về. Về đ-ợc vài ngày cô lại đi; khi nhà chồng có việc lại cử ng-ời đi đón. Cứ như thế liên tục 3 lần, cô mới ở lại hẳn nhà chồng. Tục lệ này hiện nay không còn nữa.

Trên đây là quy trình c-ới xin của ng-ời Bố Y. Hiện nay, về cơ bản, những yếu tố văn hoá đặc tr-ng trong phong tục c-ới xin của tộc ng-ời này vẫn tồn tại khá rõ, nh- tục có tiền ngoại già, tiền sữa mẹ, vải may quần áo cho cô dâu... Bên cạnh đó, một số quan niệm cũng nh- nghi lễ đã biến đổi. Có rất nhiều nguyên nhân giải thích cho tình trạng biến đổi này, song cơ bản vẫn là do điều kiện sống thay đổi. Do môi tr-ờng c- trú cộng c- với các tộc ng-ời bản địa nh- ng-ời Nùng, ng-ời Dao, ng-ời Kinh; do quan hệ hôn nhân ngoại tộc đ-ợc mở rộng nên những yêu cầu về thông gia, con dâu, con rể có phần nới lỏng. Việc xem *lục mệnh* chỉ còn đ-ợc tiến hành nh- một hình thức lễ nghi tâm linh, củng cố tinh thần. Chuyện kết hôn của nam nữ Bố Y th-ờng do họ tự tìm hiểu và quyết định. Những nghi lễ phức tạp, cầu kỳ, tốn kém đ-ợc loại bỏ. Yếu tố văn hóa tích cực đặc tr-ng ở hình thức hát đối “Ngăn cửa” hiện đã lại bị lãng quên do không còn ai trong cộng đồng tộc ng-ời biết hát. Trong khi đó một số tập tục của các dân tộc cộng c- đ-ợc tiếp nhận và coi là một phần quan trọng trong nghi thức c-ới hỏi của tộc ng-ời, nh- ăn thêm bữa phụ (*tẩu nhĩa*) tr-ớc bữa chính hôm c-ới (*tẩu lò*) - tục này đ-ợc xem là ảnh h-ởng từ dân tộc Nùng; hoặc cô dâu chú rể ra tiếp khách trong bữa cơm c-ới ở nhà trai – đ-ợc coi là ảnh h-ởng từ dân tộc Kinh.